

# HẦU TRỜI

---

## A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– Cảm nhận được tâm hồn lãng mạn độc đáo của thi sĩ Tản Đà (tư tưởng thoát li, ý thức về “cái tôi”, cá tính “ngông”) và những dấu hiệu đổi mới theo hướng hiện đại của thơ ca Việt Nam vào đầu những năm 20 của thế kỉ XX (về thể thơ, cảm hứng, ngôn ngữ).

– Thấy được giá trị nghệ thuật đặc sắc của thơ Tản Đà.

## B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

### I – NỘI DUNG

#### 1. Đặc điểm bài học

– Bài thơ này ra đời vào đầu những năm 20 của thế kỉ XX. Vào thời điểm đó, khuynh hướng lãng mạn đã khá đậm nét trong văn chương thời đại. Xã hội thực dân nửa phong kiến tù hãm, u uất, đầy rẫy những cảnh ngang trái, xót đau. Người trí thức có lương tri không thể chấp nhận nhập cuộc, nhưng chống lại nó thì không phải ai cũng đủ dũng khí để làm. Bất bình nhưng bất lực, người ta chỉ có thể mong ước thoát li, làm thơ để giải sầu. Thơ Tản Đà thời này “đã nói lên đúng cái sâu bång bạc trong đất nước, tiềm tàng trong tim gan người ta”<sup>(1)</sup> (Xuân Diệu). Nhưng Tản Đà khác người ở chỗ, ngay từ đầu những năm 20 đã dám mạnh dạn thể hiện “cái tôi” của mình với “cái buồn mơ màng, cái xúc cảm chơi vơi” (Xuân Diệu), với khát vọng thiết tha đi tìm một cõi tri âm để có thể khẳng định tài năng, phẩm giá đích thực của mình, bởi chẳng thể nào trông đợi ở “cõi trần nhem nhốc bao nhiêu sự” này. Cái “ngông” của Tản Đà cũng là ở đó.

– Nhà thơ Xuân Diệu từng đánh giá, trong 19 bài thơ trường thiên của Tản Đà “có ba bài lời thơ chắc : *Thu khuê oán*, *Hầu Trời* và *Thăm mã cũ*” là “những bài đứng lại được với thời gian, ngạo cùng năm tháng” (Xuân Diệu).

Bài thơ *Hầu Trời* có tất cả 108 câu, SGK chỉ chọn 74 câu có nội dung cơ bản để hướng dẫn HS đọc – hiểu văn bản, các câu in chữ nhỏ dùng để tham khảo.

---

(1) Xuân Diệu, *Tìm hiểu Tản Đà*, trong *Thơ Tản Đà*, NXB Văn học, Hà Nội, 1982.

## 2. Trọng tâm bài học

– Phân tích tập trung đoạn thơ tả cảnh Tản Đà đọc thơ cho Trời và chư tiên nghe, làm nổi “cái tôi” cá nhân mà thi sĩ muốn thể hiện : một “cái tôi” ngông, phóng túng, tự ý thức về tài năng thơ, về giá trị đích thực của mình và khao khát được khẳng định mình giữa cuộc đời.

– Những dấu hiệu mới mẻ về mặt nghệ thuật.

## II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

### 1. Phương pháp dạy học

Bài thơ dài, SGK chỉ chọn một đoạn, còn lại để đọc thêm. Nhưng đây là bài thơ tự sự, nếu không đọc hết, HS sẽ không nắm được câu chuyện. GV nên yêu cầu HS đọc cả bài trước, tóm tắt nội dung, ý nghĩa những đoạn thơ không học để hiểu mạch cảm xúc của tác giả.

### 2. Tiến trình tổ chức dạy học

#### a) Phần *Tiểu dẫn*

Cho HS đọc *Tiểu dẫn* trong SGK, sau đó GV có thể hướng dẫn nâng cao và chốt lại một số ý lớn cần ghi nhớ :

– Tản Đà mang đầy đủ tính chất “con người của hai thế kỉ” kể cả về học vấn, lối sống và sự nghiệp văn chương. Ông xuất thân trong một gia đình quan lại phong kiến nhưng lại sống theo phương thức của lớp tiểu tư sản thành thị “Bán văn buôn chữ kiếm tiền tiêu” ; học chữ Hán từ nhỏ nhưng lại sớm chuyển sang sáng tác bằng chữ quốc ngữ và rất ham học hỏi để tiến kịp thời đại ; là nhà nho nhưng ít chịu khép mình trong khuôn phép nho gia ; sáng tác văn chương chủ yếu vẫn theo các thể loại cũ nhưng nguồn cảm xúc lại rất mới mẻ,... Tất cả những yếu tố trên ảnh hưởng không nhỏ đến cá tính sáng tạo của thi sĩ.

– Thơ văn ông có thể xem như là một gạch nối giữa hai thời đại văn học của dân tộc : trung đại và hiện đại. Tác giả *Thi nhân Việt Nam* (Hoài Thanh – Hoài Chân), khi tổng kết phong trào Thơ mới đã viết về Tản Đà : “Trên Hội Tao đàn, chỉ tiên sinh là người của hai thế kỉ. Tiên sinh sẽ đại biểu cho một lớp người để chúng giám công việc lớp người kế tiếp. Ở địa vị ấy, còn có ai xứng đáng hơn tiên sinh. [...] Tiên sinh đã cùng chúng tôi chia sẻ một nỗi khát vọng thiết tha, nỗi khát vọng thoát li ra ngoài cái tù túng, cái giả dối, cái khô khan của khuôn sáo. [...] Tiên sinh đã đạo những bản đàn mở đầu cho một cuộc hoà nhạc tân kì đương sắp sửa”.

– GV có thể giới thiệu về bài thơ *Hầu Trời* để gợi cảm hứng cho HS :

Thơ Tản Đà thường hay nói về cảnh trời. Điều đó đã trở thành mô típ nghệ thuật có tính hệ thống trong thơ ông. Ông tự coi mình là một *trích tiên*, tức là vị tiên trên trời bị đày xuống hạ giới vì tội “ngông”. Có lúc chán đời, ông *Muốn làm thành Cuội* để cùng với chị Hằng “Tựa nhau trông xuống thế gian cười”. Có lúc mơ màng, ông muốn theo gót Lưu Thần, Nguyễn Triệu lạc bước vào chốn *Thiên thai*. Táo bạo hơn, ông còn mơ thấy mình được lên Thiên đình, hội ngộ với những mỹ nhân cổ kim như Tây Thi, Chiêu Quân, Dương Quý Phi, cùng đàm đạo chuyện văn chương, chuyện thế sự với các bậc tiền bối như Nguyễn Trãi, Hàn Thuyên, Đoàn Thị Điểm, Hồ Xuân Hương,... thậm chí với cả cụ Khổng Tử, ông Lu Thoa (Ru-xô). Ông còn *viết thư hỏi Giời* và bị *Giời mắng*,... Bài *Hầu Trời* là một khoảnh khắc trong cả chuỗi cảm hứng lãng mạn đó.

b) Đọc văn bản

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm, phân biệt lời thoại với lời kể, lột tả được tinh thần phóng túng, pha chút ngông nghênh, dí dỏm của Tản Đà.

c) Hướng dẫn tìm hiểu tác phẩm

### ***Câu 1***

GV nên gợi ý để cho HS tự cảm nhận tài hư cấu nghệ thuật độc đáo và có duyên của Tản Đà. Chuyện kể về một giấc mơ, mơ thì tất nhiên là không có thực. Chính tác giả lúc tỉnh mộng cũng hãy còn bàng hoàng “chẳng biết có hay không”. Đó là cảm xúc thực nhưng tứ thơ lãng mạn lại là ở chỗ tác giả muốn người đọc cảm nhận được cái “hồn cốt” trong cõi mộng, mộng mà như tỉnh, hư mà như thực. Bởi thế mới có ba câu sau hoàn toàn là khẳng định, dường như lật ngược lại vấn đề : “Chẳng phải hoảng hốt, không mơ màng.”, “Thật hồn ! Thật phách ! Thật thân thể !”, “Thật được lên tiên...”.

Khổ thơ mở đầu đã gây được một mối nghi vấn, gợi trí tò mò của người đọc. Cảm giác đó làm cho câu chuyện mà tác giả sẽ kể trở nên có sức hấp dẫn đặc biệt, không ai có thể bỏ qua. Cách vào chuyện thật độc đáo và có duyên.

### ***Câu 2***

Tản Đà được mời lên thiên đình là để đọc thơ cho Trời và chư tiên nghe. Buổi đọc thơ đã diễn ra như thế nào ? GV nên gợi mở để HS tự tìm các chi tiết trong bài thơ.

– Thi sĩ rất cao hứng và có phần tự đắc : “Đương cơn đắc ý đọc đã thích”... – “Văn dài hơi tốt ran cung mây !” – “Trời nghe, Trời cũng lấy làm hay.” – “Chúa biết con in ra mấy mươi ?” – “Văn đã giàu thay, lại lắm lối”...

– Chư tiên nghe thơ rất xúc động, tán thưởng và hâm mộ : “Tâm như nở dạ, Cơ lè lưỡi” – “Hàng Nga, Chúc Nữ chau đôi mày” – “Song Thành, Tiểu Ngọc lắng tai đứng” – “Đọc xong mỗi bài cùng vỗ tay.”...

– Trời khen rất nhiệt thành : *văn thật tuyệt, chắc có ít, đẹp như sao băng...*

– Tác giả tự xưng tên tuổi và thân thế.

Tác giả chỉ kể như vậy, nhưng qua những lời kể đó có thể thấy được điều gì về cá tính và tâm hồn thi sĩ ? Hướng kết luận : Tản Đà rất ý thức về tài năng thơ của mình, và cũng là người táo bạo, dám đường hoàng bộc lộ “cái tôi” – “cái tôi” rất cá thể của một Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu – con người của một vùng sông núi nước Nam. Ông cũng rất ngông khi tìm đến tận Trời để khẳng định tài năng của mình trước Ngọc hoàng Thượng đế và chư tiên. *Ngông* vốn là một sản phẩm của xã hội, đặc biệt là xã hội phong kiến Á Đông, “cái xã hội bị Khổng giáo úp chụp lên như cái vung, om cho ngạt thở” (Xuân Diệu). Ở cái xã hội lễ nghi chặt chẽ, khuôn phép ấy, cá tính độc đáo thường bị coi là *ngông*, là khác đời. Trong văn chương, *ngông* thường biểu hiện thái độ phản ứng của người nghệ sĩ tài hoa, có cốt cách, có tâm hồn, không muốn chấp nhận sự bằng phẳng, đơn điệu, nên thường “phá cách”, tự đề cao, phóng đại cá tính của mình (*Kìa thơ tri kỉ đàn anh nhất – Nọ khách phong lưu bậc thứ nhì* – Tú Xương). Đó là niềm khao khát chân thành trong tâm hồn thi sĩ. Giữa chốn hạ giới văn chương *rẻ như bèo*, thân phận nhà văn bị *rẻ rúng*, khinh bỉ, ông không tìm được tri kỉ tri âm, phải lên tận cõi Tiên mới có thể thoả nguyện. Vào đầu những năm 20, khi thơ phú nhà nho đã tàn cuộc mà thơ mới chưa ra đời, Tản Đà là nhà thơ đầu tiên trong văn học Việt Nam đã dám mạnh dạn hiện diện bản ngã đó : “Chủ nghĩa lãng mạn, với cá thể (individu) đã bật nứt ra trong văn học Việt Nam trong những năm đầu thế kỉ XX bằng Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu” (Xuân Diệu).

– Nhận xét về giọng kể của tác giả : Giọng kể của tác giả rất đa dạng, hóm hỉnh và có phần ngông nghênh, tự đắc (nên cho HS tự tìm và phân tích những ý thơ hay mà các em có thể cảm nhận một cách thích thú). Thái độ ngông nghênh, tự đắc ở đây dường như đã được phóng đại một cách có ý thức, gây ấn tượng mạnh cho người đọc. GV có thể liên hệ với tính chất *phi ngã* của hệ thống thi pháp văn học trung đại để thấy cái mới của Tản Đà.

### **Câu 3**

GV hướng dẫn HS tìm đoạn thơ hiện thực trong bài và giải đáp câu hỏi theo các gợi ý sau :

– Tản Đà nói đến nhiệm vụ truyền bá “thiên lương” mà Trời giao cho là có ý gì ? Điều đó chứng tỏ Tản Đà lãng mạn, nhưng không hoàn toàn thoát li cuộc đời,

ông vẫn ý thức về trách nhiệm với đời và khát khao được gánh vác việc đời. Đó cũng là một cách tự khẳng định mình.

– Nhưng cuộc đời – cụ thể là xã hội thực dân nửa phong kiến – đã đối xử với ông, người nghệ sĩ tài hoa, như thế nào? Cuộc đời người nghệ sĩ trong xã hội lúc đó hết sức cơ cực, tủi hổ (không tác đất cắm dùi, thân phận bị rẻ rúng, làm chẳng đủ ăn, bị o ép nhiều chiều,...). Tản Đà đã vẽ một bức tranh rất chân thực và cảm động về chính cuộc đời mình và cuộc đời nhiều nhà văn khác (GV yêu cầu HS phân tích cụ thể các ý thơ, đồng thời có thể mở rộng, cung cấp thêm các chi tiết thực về cuộc đời Tản Đà, hay của các nhà văn khác như Nam Cao chẳng hạn, để HS hiểu rõ hơn. Tản Đà nổi tiếng tài hoa một thời mà suốt đời sống nghèo khổ, cùng quần (“Hôm qua chưa có tiền nhà – Suốt đêm thơ nghĩ chẳng ra câu nào – Đi ra rồi lại đi vào – Quần quanh chỉ tốn thuốc lao vì thơ”). Về cuối đời, ông từng phải mở cửa hàng xem tướng số để kiếm ăn nhưng không có khách, mở lớp dạy Hán văn và quốc văn nhưng không có học trò. Cuối cùng, ông chết trong cảnh nghèo đói, nhà cửa, đồ đạc bị chủ nợ tịch biên, chỉ còn một cái giường mọt, cái ghế ba chân, chông sách nát và một be rượu). Bức tranh hiện thực đó giúp chúng ta hiểu thêm vì sao Tản Đà thấy *đời đáng chán* (“Trần thế em nay chán nửa rồi”), vì sao ông phải tìm cõi tri âm tận trời cao (“Tri kỉ trông lên đứng tận trời”), phải tìm đến chị Hằng Nga, Ngọc hoàng Thượng đế, chư tiên,... để thoả niềm khao khát. Hai nguồn cảm hứng lãng mạn và hiện thực thường đan cài khăng khít trong thơ ông như thế.

#### **Câu 4**

Câu hỏi có tính chất tổng kết về mặt nghệ thuật. GV hướng dẫn HS tìm dấu hiệu đổi mới theo hướng hiện đại:

– Thể thơ thất ngôn trường thiên khá tự do, không bị ràng buộc bởi khuôn mẫu kết cấu nào, nguồn cảm xúc được bộc lộ thoải mái, tự nhiên, phóng túng.

– Ngôn ngữ thơ chọn lọc, tinh tế, gợi cảm và rất gần với đời, không cách điệu, ước lệ.

– Cách kể chuyện hóm hỉnh, có duyên, lôi cuốn được người đọc.

– Tác giả tự hiện diện trong bài thơ với tư cách người kể chuyện, đồng thời là nhân vật chính. Cảm xúc biểu hiện phóng túng, tự do, không hề gò ép.

Có thể thấy, Tản Đà đã tìm được hướng đi đúng đắn để khẳng định mình giữa lúc thơ phú nhà nho đang đi dần tới dấu chấm hết. Nhìn chung, thơ Tản Đà chưa mới (ở thể loại, ở ngôn từ, ở hệ thống hình ảnh nghệ thuật,...), nhưng những dấu hiệu đổi mới theo hướng hiện đại đã khá đậm nét. Có thể nói, ông đã bắc một nhịp cầu nối hai thời đại thi ca Việt Nam. Bởi thế, tác giả *Thi nhân Việt Nam* đã mời anh hồn Tản Đà ra để chứng giám Hội Tao đàn của thế kỉ XX.

### III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

#### 1. Kiểm tra, đánh giá

Xoay quanh những ý chính sau đây :

– Cảm xúc mới mẻ ; cảm hứng lãng mạn ; ý thức về “cái tôi” cá nhân, niềm khao khát tự khẳng định mình ; ...

– Những đổi mới về mặt nghệ thuật.

#### 2. Gợi ý giải bài tập

##### *Bài tập 1*

GV có thể đánh giá khả năng cảm thụ những câu thơ hay của HS (không cần gợi ý gì thêm).

##### *Bài tập 2\**

Bài tập này dành cho HS khá giỏi, có năng khiếu. Yêu cầu HS biết tích hợp những kiến thức đã học, từ Nguyễn Công Trứ đến Tú Xương, Tản Đà,... để hiểu *ngông* trong văn chương là phản ứng của những người nghệ sĩ tài hoa, có cá tính, không chịu trời mình trong một khuôn khổ chật hẹp, cũng thể hiện phản ứng của những người trí thức có nhân cách trước một xã hội mà họ không thể chấp nhận, cũng không muốn nhập cuộc. Có thể yêu cầu HS tìm những dẫn chứng văn học để chứng minh.

### IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoài Thanh – Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, NXB Văn học, Hà Nội, 1988. (Đọc *Cung chiêu anh hồn Tản Đà*)

2. *Tuyển tập Tản Đà*, NXB Văn học, Hà Nội, 1986. (Lời giới thiệu của Xuân Diệu)